

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1694** /BNN-VPĐP
V/v góp ý dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về
nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025

Hà Nội, ngày **06** tháng **3** năm **2020**

Kính gửi:

- Các Bộ: Xây dựng; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội; Y tế; Tài nguyên và Môi trường; Nội vụ; Tư pháp; Công an; Quốc phòng;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng cục Thủy lợi; Tổng cục Phòng, chống thiên tai; Cục Kinh tế hợp tác và PTNT.

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 (*Thông báo số 449/TB-VPĐP ngày 30/12/2019 của Văn phòng Chính phủ*) và nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (*xã, huyện, tỉnh*) theo các mức độ (*đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu*) giai đoạn 2021-2025 (*sau đây viết tắt là Bộ tiêu chí*); trực tiếp làm việc với các Bộ, ngành liên quan (*được giao phụ trách các tiêu chí*) để rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, xây dựng Bộ tiêu chí; đồng thời, đã tổ chức Hội thảo vùng Đông Nam Bộ (*tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 24/02/2020*), vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ (*tại tỉnh Gia Lai, ngày 28/02/2020*) để lấy ý kiến góp ý của các địa phương, trên cơ sở đó, đã hoàn thiện dự thảo Bộ tiêu chí (*lần 3*).

Để hoàn thành xây dựng Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp đảm bảo chất lượng, kịp tiến độ và phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương, giúp các địa phương thuận lợi trong xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và đánh giá kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các Bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan liên quan thuộc Bộ nghiên cứu, có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (*xã, huyện, tỉnh*) theo các mức độ (*trong đó, cấp xã có các mức độ: đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu; cấp huyện có các mức độ: đạt chuẩn, nâng cao; cấp tỉnh có mức độ đạt chuẩn*) giai đoạn

2021-2025 (xin gửi kèm theo Báo cáo rà soát, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2016 – 2020; dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 – 2025).

Văn bản góp ý của Quý cơ quan, xin gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương - Số 2, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội và địa chỉ thư điện tử: phuongdinhanhvn@gmail.com) trước ngày 20/3/2020 để kịp tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ với Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương theo địa chỉ: Ông Phương Đình Anh - Trưởng phòng Nghiệp vụ và Môi trường; điện thoại 0904.246.720).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Thanh Nam

BÁO CÁO

**Rà soát, đánh giá Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2016-2020
và đề xuất xây dựng Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025**
(Kèm theo Công văn số *16.94.../BNN-VPĐP* ngày *06./3/2020*
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phần thứ nhất

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2016-2020, DỰ KIẾN NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. ĐÁNH GIÁ BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Công tác xây dựng Bộ tiêu chí

a) Đối với Bộ tiêu chí NTM cấp xã:

- Giai đoạn 2010-2015: Ngày 16/4/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 491/QĐ-TTg về Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (NTM) với 19 tiêu chí, 39 chỉ tiêu. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, ngày 20/02/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 342/QĐ-TTg về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM (*trong đó điều chỉnh 05/19 tiêu chí NTM*).

- Giai đoạn 2016-2020: Ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020 (*thay thế Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013*), giữ nguyên 19 tiêu chí và nâng lên 49 chỉ tiêu.

- Đối với xây dựng Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM nâng cao: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 08/02/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Công văn số 1345/BNN-VPĐP hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020. Theo đó, Trung ương (*Bộ Nông nghiệp và PTNT*) ban hành nội dung định hướng nâng cao, UBND cấp tỉnh ban hành tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể, để các địa phương có căn cứ xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện, xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Đối với xây dựng Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu: Ngày 05/6/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 691/QĐ-TTg về tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, với 04 nhóm tiêu chí, gồm: (1) Sản xuất - Thu

nhập - Hộ nghèo; (2) Giáo dục - Y tế - Văn hóa; (3) Môi trường; (4) An ninh trật tự - Hành chính công. Đồng thời, giao UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, lựa chọn loại hình xã NTM kiểu mẫu nổi trội nhất trong các nhóm tiêu chí để hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện xây dựng xã NTM kiểu mẫu.

b) Đối với Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM:

Theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, huyện được công nhận đạt chuẩn NTM khi có từ 75% trở lên số xã được công nhận đạt chuẩn NTM. Đây là quy định mang tính cộng cơ học, có nhược điểm lớn là không thể hiện được tính kết nối, sự liên kết giữa các xã, giữa các vùng trong huyện về hạ tầng, sản xuất, môi trường,...; không thể hiện được những yêu cầu cần phải đạt đối với những công trình về văn hóa, y tế, giáo dục,... cấp huyện để phục vụ cho nhu cầu của nhân dân ở quy mô lớn, trong đó đại đa số là cư dân sống ở nông thôn. Vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên, ngày 05/4/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 558/QĐ-TTg về ban hành tiêu chí huyện NTM và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Theo đó, huyện được công nhận đạt chuẩn NTM, khi có 100% số xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM và đạt chuẩn 09 tiêu chí NTM cấp huyện, gồm: (1) Quy hoạch; (2) Giao thông; (3) Thủy lợi; (4) Điện; (5) Y tế - Văn hóa - Giáo dục; (6) Sản xuất; (7) Môi trường; (8) An ninh, trật tự; (9) Chỉ đạo xây dựng NTM.

2. Kết quả thực hiện NTM theo Bộ tiêu chí NTM các cấp

a) Đối với cấp xã

- Tính đến tháng 02/2020, cả nước có 4.947/8.902 xã (55,6%) đã đạt chuẩn NTM; bình quân đạt 15,66 tiêu chí/xã; không còn xã dưới 5 tiêu chí; còn 1.210 xã (13,59%) dưới 10 tiêu chí; đã có 08 xã được công nhận NTM kiểu mẫu (*tại các tỉnh Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Trị và Đồng Nai*).

- Có 09 tỉnh/thành phố có 100% số xã đã đạt chuẩn NTM: Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương, Cần Thơ; 02 tỉnh/thành phố có trên 90% số xã đạt chuẩn NTM: Thành phố Hồ Chí Minh (96,43%), Bắc Ninh (98,97%); 05 tỉnh/thành phố có 75-89% số xã đã đạt chuẩn NTM: Hà Nội (84,2%), Hải Dương (86,36%), Ninh Bình (76,27%), Hà Tĩnh (75,88%), Lâm Đồng (77,59%); 17 tỉnh/thành phố có 50-75% số xã đã đạt chuẩn NTM; 19 tỉnh/thành phố có từ 30% đến dưới 50% số xã đạt chuẩn NTM; 11 tỉnh có dưới 30% số xã đạt chuẩn NTM (*trong đó có 05 tỉnh có dưới 20% số xã đạt chuẩn NTM, tất cả đều thuộc vùng Miền núi phía Bắc, gồm: Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Bắc Kạn, Cao Bằng*).

- Tính đến tháng 02/2020, tất cả 19 tiêu chí NTM đều có trên 60% số xã đạt chuẩn, cụ thể: 07 tiêu chí có từ 90% số xã đạt chuẩn trở lên, gồm: Quy hoạch, Thủy lợi, Điện, Thông tin và Truyền thông, Lao động có việc làm, Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng và An ninh; 05 tiêu chí có từ 80% đến dưới 90% số xã đạt chuẩn, gồm: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Tổ chức sản xuất, Y tế, Văn hóa, Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật; 01 tiêu chí có từ 70% đến dưới

80% số xã đạt chuẩn, gồm: Nhà ở dân cư; 06 tiêu chí có từ 60% đến dưới 70% số xã đạt chuẩn, gồm: Giao thông, Trường học, Môi trường và An toàn thực phẩm, Cơ sở vật chất văn hóa, Thu nhập, Hộ nghèo.

b) Đối với cấp huyện:

Tính đến hết tháng 02/2020, cả nước có 114 đơn vị cấp huyện thuộc 43 tỉnh/thành được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (chiếm 17,1%), trong đó: 28 đơn vị cấp huyện (chiếm 24,6%) được công nhận đạt chuẩn NTM trước năm 2016 (theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM); 86 đơn vị cấp huyện (75,4%) được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM từ năm 2016 đến nay theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Trong số 20 tỉnh/thành chưa có đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM có 10 tỉnh/thành đang hoàn thiện hồ sơ¹, 10 tỉnh chưa triển khai².

3. Những điểm tích cực và tồn tại, hạn chế của Bộ tiêu chí NTM các cấp giai đoạn 2016-2020

a) Những điểm tích cực:

Bộ tiêu chí NTM các cấp là bộ công cụ tiêu chuẩn đo lường quan trọng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM để Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG và các địa phương chỉ đạo, giám sát, đánh giá một cách tập trung, thống nhất và đồng bộ.

Bộ tiêu chí NTM các cấp có các chỉ tiêu cụ thể trên hầu hết các lĩnh vực đối với phát triển nông thôn; có các mức độ từ đạt chuẩn cho đến nâng cao, kiểu mẫu; áp dụng cho cấp huyện, cấp xã và định hướng cho cấp thôn, bản ở khu vực khó khăn; các địa phương còn chủ động xây dựng tiêu chí NTM áp dụng đến từng khu dân cư, hộ gia đình và thậm chí là cả khu vườn, con đường NTM. Thực tiễn triển khai Chương trình cho thấy, nhờ có tiêu chí NTM:

- Các địa phương xác định được các mục tiêu phân đầu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với khả năng thực hiện và dành sự quan tâm hài hòa trên các lĩnh vực.

- Bộ tiêu chí NTM là căn cứ để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện của các địa phương, là cơ sở để xác định nội dung và phân công vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành các cấp.

- Kết quả xây dựng NTM phản ánh qua Bộ tiêu chí cho thấy những chuyển biến của Chương trình, đồng thời giúp nhận diện được những hạn chế, tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo, thực hiện, để có những đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm, xây dựng cơ chế, chính sách, cách làm phù hợp, hiệu quả.

¹ Gồm: Lào Cai (TP Lào Cai), Hà Giang (TP Hà Giang), Hải Phòng (huyện Cát Hải), Thừa Thiên Huế (TX Hương Thủy), Quảng Trị (huyện Cam Lộ), Tây Ninh (TX Hòa Thành), Bình Phước (TX Phước Long và TP Đồng Xoài), Bến Tre, Tiền Giang (TP Mỹ Tho), Cà Mau (TP Cà Mau)

² Gồm: Điện Biên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Quảng Bình, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk

- Khi Chương trình NTM đã được triển khai trên phạm vi cả nước, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, thì việc tích hợp các mục tiêu, nhiệm vụ có liên quan vào Bộ tiêu chí NTM sẽ giúp các Bộ, ngành, địa phương tăng cường được công tác theo dõi, đánh giá và tổ chức thực hiện, đặc biệt là gắn các mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, các mục tiêu phát triển bền vững, các phong trào, cuộc vận động vào tiêu chí NTM...

- Đối với vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, Bộ tiêu chí NTM giúp cho người dân ở mỗi địa phương nhận thức rõ về nội dung để thực hiện xây dựng NTM một cách toàn diện và có mục tiêu phấn đấu cụ thể cho hộ gia đình mình, cho thôn, cho xã mình và thực hiện vai trò giám sát của nhân dân, cộng đồng với việc triển khai xây dựng NTM.

b) Những tồn tại, hạn chế:

- Đối với Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM và xã đạt chuẩn NTM nâng cao:

+ *Tiêu chí NTM còn chưa thực sự phù hợp đối với các vùng, miền có đặc thù tự nhiên, KT-XH khác nhau:* Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM hiện phân theo 07 vùng sinh thái, trong khi đó ngay trong nội vùng, nội tỉnh cũng có sự khác biệt rất lớn về điều kiện tự nhiên giữa các địa bàn miền núi, đồng bằng, ven biển và hải đảo; hoặc sự khác biệt về KT-XH giữa vùng ven đô, vùng dân tộc thiểu số, khu vực làng nghề, vùng thuần nông, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn...

+ *Tiêu chí NTM chưa phản ánh được đầy đủ những vấn đề thực sự cần quan tâm ở nông thôn:* Có tiêu chí dễ hoàn thành (như tiêu chí lao động có việc làm thường xuyên) nên chưa tạo được động lực triển khai, tỷ lệ xã đạt tiêu chí này rất cao nhưng trên thực tế vấn đề việc làm cho lao động nông thôn còn nhiều bất cập; một số tiêu chí có yêu cầu mức độ đạt còn chung chung (như: “Đạt”, hoặc “theo quy định của pháp luật”); nhiều tiêu chí chưa được lượng hóa cụ thể nên khó đánh giá (như tiêu chí thủy lợi về đáp ứng nhu cầu tưới tiêu nhưng chưa khuyến khích sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm); một số tiêu chí chưa phản ánh được chất lượng xây dựng NTM.

+ *Tiêu chí NTM chưa gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững:* Một số nội dung về biến đổi khí hậu, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng, bình đẳng giới, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên tự nhiên... đã được quan tâm lồng ghép vào Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2016-2020, song còn nhiều nội dung liên quan đến các cam kết của Việt Nam về thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp quốc chưa được tích hợp.

+ *Chưa có tiêu chí/chỉ tiêu đánh giá vai trò chủ thể của người dân, cộng đồng.* Bộ tiêu chí mới quan tâm đến kết quả đầu ra theo các lĩnh vực của phát triển nông thôn, chưa có tiêu chí phản ánh vai trò và sự tham gia của cộng đồng dân cư cũng như các tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối với Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu: Mặc dù tại Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 về ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, Thủ tướng Chính phủ đã giao UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, lựa chọn loại hình xã NTM kiểu mẫu nổi trội nhất trong các nhóm

tiêu chí để hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện xây dựng xã NTM kiểu mẫu, nhưng đến nay, trong tổng số 31 tỉnh, thành phố đã ban hành tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, chỉ có một số địa phương thể hiện được đầy đủ yêu cầu về nội dung, tiêu chí xã NTM kiểu mẫu do Thủ tướng Chính phủ quy định (gồm: Yên Bái, Hà Nội, Quảng Bình, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Kon Tum, Gia Lai, Bạc Liêu), số còn lại, đều quy định xã NTM kiểu mẫu rất chung chung.

- Đối với Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM: Về cơ bản, Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM đến nay đang được triển khai tốt, cơ bản đáp ứng yêu cầu về mức độ phù hợp với thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định chưa đáp ứng yêu cầu: Việc quy định Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn hạng 3 đến nay không còn phù hợp, do hầu hết hiện nay các huyện đã thực hiện chủ trương sáp nhập Bệnh viện huyện vào Trung tâm y tế huyện, để thành Trung tâm y tế huyện (theo Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế); chưa rõ hoạt động của công an huyện tác động đến an ninh trật tự trên địa bàn; chưa làm rõ về sản xuất nông nghiệp theo hướng hình thành vùng nguyên liệu đạt chuẩn, hướng tới an toàn sinh học trong Tiêu chí về sản xuất hiện nay, nhất là đối với vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn của huyện (chưa quy định về việc cấp mã vạch, nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của thị trường thế giới), chưa kịp thời bổ sung quy định vấn đề phát triển sản phẩm OCOP – một trong những nội dung phát triển kinh tế quan trọng ở nông thôn hiện nay. Tiêu chí NTM cấp huyện cũng chưa thấy rõ sự gắn kết giữa xây dựng NTM với đô thị hoá.

c) Một số vấn đề khác đặt ra

- Bộ tiêu chí xã NTM đang chia theo 7 vùng, nhưng ngay trong 1 vùng hoặc 1 tỉnh cũng có sự khác biệt giữa các xã, huyện về điều kiện tự nhiên, KT-XH. Do đó, có thể xem xét phân loại định mức đạt chuẩn tiêu chí theo các nhóm xã trong mỗi vùng. Ví dụ: có tiêu chí đặc thù đối với xã vùng dân tộc thiểu số, bãi ngang, biên giới và miền núi; tăng định mức hoặc bổ sung điều kiện đạt chuẩn/nâng cao đối với xã ven đô...

- Các xã chưa đạt chuẩn NTM chủ yếu nằm ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Trong giai đoạn tới, nếu tiếp tục nâng định mức các tiêu chí thì sẽ càng không thể đạt chuẩn, làm giảm động lực phấn đấu, khó đạt mục tiêu chung của cả nước đến năm 2025. Vì vậy, Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 chỉ nên điều chỉnh tăng định mức đạt chuẩn của một số tiêu chí theo xu thế và yêu cầu mới, các tiêu chí khác nên duy trì quy định hiện tại và có những điều chỉnh phù hợp với khu vực này.

- Đối với các xã đã đạt chuẩn NTM (dự kiến đến hết năm 2020 cả nước có khoảng trên 60% số xã đạt chuẩn NTM), sẽ chuyển sang giai đoạn xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Như vậy cần tập trung điều chỉnh Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao do số lượng xã đã hoàn thành mức độ đạt chuẩn chiếm phần lớn. Ở mức độ nâng cao và kiểu mẫu, ngoài việc điều chỉnh tiêu chí cần phải lưu ý đến mục tiêu đặt ra để tránh tình trạng tiếp tục chỉ đạo điểm và chạy theo thành tích, hạn chế số lượng mô hình kiểu mẫu, ưu tiên ngân sách cho các vùng còn gặp nhiều khó khăn.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là một nội dung quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, sản phẩm bản địa. Do đó, cần thiết phải có những tiêu chí gắn với thực hiện chương trình OCOP, song cũng cần có sự linh hoạt bởi trên thực tế không phải xã nào cũng có sản phẩm OCOP.

- Tiêu chí quan trọng nhất của xây dựng NTM là thu nhập của người dân nông thôn. Việc xác định mức đạt chuẩn/nâng cao/kiểu mẫu về thu nhập bình quân đầu người cần tính đến các yếu tố tác động (*lạm phát, thiên tai, biến đổi khí hậu...*) để có quy định phù hợp, không làm ảnh hưởng đến sự nỗ lực của địa phương và người dân nhưng thu nhập chưa đạt chỉ tiêu do tác động bởi các yếu tố khách quan.

- Xây dựng NTM là một chương trình phát triển nông thôn toàn diện, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, với yêu cầu cao và khối lượng công việc lớn. Do đó, ngoài việc kiện toàn bộ máy chỉ đạo và giúp việc các cấp, cần thiết phải có cán bộ chuyên trách (*không kiêm nhiệm*) về xây dựng NTM ở cấp xã. Nội dung này cần được xem xét bổ sung thành một tiêu chí NTM.

- Vừa qua, để thực hiện các tiêu chí NTM, các địa phương phải đối chiếu với nhiều văn bản khác nhau; nhiều tiêu chí phải đến thời điểm cuối năm hoặc đầu năm tiếp theo mới có kết quả chính thức, nên nhiều xã muốn xét công nhận đạt NTM ở thời điểm cuối năm thiếu căn cứ để đánh giá, thẩm định. Trong giai đoạn tới, cần xem xét tích hợp các hướng dẫn/quy định chi tiết đối với từng tiêu chí ngay trong Phụ lục của Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các Bộ tiêu chí. Các tiêu chí NTM cũng cần có sự nhất quán với những quy định liên quan khác của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể.

- Có những chủ đề/lĩnh vực nằm ở nhiều tiêu chí (*ví dụ: phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới, văn hóa...*), nhưng không nên tách những chủ đề này thành từng nhóm tiêu chí riêng, mà chỉ bổ sung các chỉ tiêu phụ vào tiêu chí có liên quan, để việc thực hiện chủ đề đó huy động được trách nhiệm tham gia của nhiều thành phần.

II. ĐỊNH HƯỚNG, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC, HÌNH THỨC XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ NTM CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Định hướng

- Tiếp tục xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp áp dụng cho giai đoạn tới, trước mắt là giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở kế thừa Bộ tiêu chí NTM các cấp giai đoạn 2016-2020 (*về bộ tiêu chí cấp xã giữ nguyên 19 tiêu chí*), đồng thời có những điều chỉnh, bổ sung, khắc phục những hạn chế đã được đề cập nhằm phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của từng vùng, miền, phản ánh đầy đủ những vấn đề ở nông thôn trong giai đoạn mới.

- Các chỉ tiêu, nội dung, định mức,... của tiêu chí NTM các cấp phải phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021-2030 và với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

- Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 cơ bản duy trì các định mức đạt chuẩn so với giai đoạn 2016-2020 để các xã hiện chưa đạt chuẩn (phần lớn là các xã khó khăn) có động lực phấn đấu thực hiện.

- Tập trung điều chỉnh Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao với những chỉ tiêu đòi hỏi ở mức độ cao hơn (không rập khuôn theo 19 tiêu chí đạt chuẩn, bởi nhiều tiêu chí ở mức độ đạt chuẩn đã đáp ứng được yêu cầu).

- Một số chỉ tiêu về thu nhập, nước sạch, hợp tác xã đều là những nội dung phản ánh chất lượng cuộc sống và yêu cầu phát triển. Do đó, nhất thiết phải có tiêu chí phù hợp để thực hiện và không hạ thấp định mức đạt chuẩn/nâng cao/kiểu mẫu.

- Phân cấp mạnh hơn nữa cho các địa phương trong xác định các nội dung, định mức đạt chuẩn của các tiêu chí NTM cấp xã.

- Tiêu chí NTM các cấp phải trở thành công cụ đánh giá được những chuyển biến nổi bật, những tồn tại, hạn chế trong các lĩnh vực của phát triển nông thôn.

2. Nguyên tắc

- Đáp ứng các yêu cầu chung: Phản ánh thực tế, tránh lãng phí. Đồng thời, hướng mạnh hơn đến nhu cầu người dân, chuẩn NTM phản ánh xu hướng phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo thực chất và tạo điều kiện huy động sức dân;

- Điều chỉnh một số tiêu chí, bổ sung thêm chỉ tiêu để phản ánh đầy đủ các vấn đề thực sự bức thiết và chất lượng của NTM;

- Gắn các tiêu chí có nội dung liên quan chặt chẽ với nhau thành 01 tiêu chí (như Trường học với Giáo dục và Đào tạo; Cơ sở vật chất văn hóa với Văn hóa) và tách những tiêu chí có nội dung thuộc các lĩnh vực đặc thù khác nhau (như Hệ thống chính trị và Hành chính công; Quốc phòng và An ninh);

- Nên tách riêng nhóm các tiêu chí nền tảng, các tiêu chí mà đa số xã đến nay đã đạt chuẩn trên 90%, để tập trung hỗ trợ nguồn lực, phấn đấu hoàn thành nhóm này cho các xã còn lại trong 05 năm 2021-2015. Đây sẽ là cơ sở để phân bổ nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho phù hợp, đảm bảo thiết thực, công bằng đối với các vùng khó khăn;

- Tích hợp ở mức độ hợp lý 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp quốc vào Bộ tiêu chí NTM các cấp, đảm bảo phù hợp và khả thi ở khu vực nông thôn.

- Lượng hóa tối đa việc đánh giá mức độ đạt chuẩn để tiêu chí đánh giá thực chất, không xuê xoa và cũng thuận lợi cho công tác lập kế hoạch, nhất là nhu cầu huy động nguồn lực.

- Cần đưa yếu tố người dân - vai trò chủ thể - sự hài lòng của người dân thành tiêu chí đánh giá, có thể là tiêu chí cơ sở, hỗ trợ cho tiêu chí NTM các cấp.

- Đề xuất điều chỉnh, bổ sung, xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp theo hướng phù hợp với điều kiện thực tế, nhất là với các vùng khó khăn, vùng đặc thù

nhưng không hạ thấp tiêu chuẩn, chất lượng của các tiêu chí đạt chuẩn, đặc biệt là đối với các tiêu chí quan trọng, như: thu nhập, giảm hộ nghèo, giáo dục, lao động có việc làm, tổ chức sản xuất, môi trường, an ninh trật tự, văn hóa...

- Tăng cường phân cấp, tạo sự linh hoạt khi quy định mức độ đạt chuẩn, nhưng vẫn phải đảm bảo nội hàm của các tiêu chí để phù hợp với thực tiễn của các địa phương và nhu cầu phát triển của từng vùng.

3. Hình thức xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp

- Về cấp độ của Bộ tiêu chí: có 03 cấp độ tiêu chí NTM, đó là:

- + Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM;
- + Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM;
- + Bộ tiêu chí quốc gia về tỉnh NTM.

Đối với phạm vi thôn, bản, ấp, khu dân cư: không quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia, các tỉnh/thành phố chủ động, sáng tạo xây dựng tiêu chí phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương và đảm bảo đồng bộ với tiêu chí NTM cấp xã.

- Về mức độ của Bộ tiêu chí NTM các cấp:

+ Đối với cấp xã: Thống nhất kiến nghị sẽ có 03 mức độ NTM: Đạt chuẩn; nâng cao; kiểu mẫu.

+ Đối với cấp huyện: Thống nhất có 03 mức độ: Đạt chuẩn; nâng cao; kiểu mẫu (trước mắt, xây dựng Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn và nâng cao; riêng Bộ tiêu chí huyện NTM kiểu mẫu, sẽ đề xuất ban hành vào cuối năm 2020, sau khi tổng kết, đánh giá tại 04 huyện đang thí điểm).

+ Đối với cấp tỉnh: Trước mắt, chỉ tập trung xây dựng Bộ tiêu chí tỉnh đạt chuẩn NTM.

Phần thứ hai

TỔNG HỢP NỘI DUNG GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TẠI MỘT SỐ HỘI THẢO VÙNG ĐÃ TỔ CHỨC TẠI VÙNG ĐÔNG NAM BỘ; VÙNG TÂY NGUYÊN VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

I. ĐÁNH GIÁ BỘ TIÊU CHÍ NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020

Các đại biểu nhất trí với những đánh giá về kết quả thực hiện và những điểm tích cực, hạn chế của Bộ tiêu chí NTM các cấp giai đoạn 2016-2020. Những điểm tích cực của Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2016-2020 cho thấy, giai đoạn tới cần tiếp tục sử dụng Bộ tiêu chí NTM như một công cụ quan trọng, nền tảng, làm cơ sở xác định mục tiêu, xây dựng cơ chế, chính sách, phân công nhiệm vụ, phân bổ nguồn lực, đánh giá kết quả thực hiện... trong xây dựng NTM. Những vấn đề bất cập, tồn tại, hạn chế của Bộ tiêu chí NTM giai đoạn

2016-2020 cần có giải pháp điều chỉnh, những vấn đề mới cần được bổ sung cho phù hợp với bối cảnh, yêu cầu của giai đoạn mới.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ NTM CÁC CẤP, GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Các đại biểu cơ bản thống nhất với những định hướng và nguyên tắc xây dựng Bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025. Trong đó có 02 điểm chính được quan tâm:

- *Đối với các xã cho đến nay chưa đạt chuẩn NTM (khoảng 45%):* đây hầu hết là những xã còn gặp nhiều khó khăn, nên Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025 chỉ nên điều chỉnh tăng định mức đạt chuẩn của một số tiêu chí theo xu thế và yêu cầu mới, các tiêu chí khác nên duy trì quy định hiện tại và có những điều chỉnh phù hợp, nhằm tạo động lực cho các xã khó khăn phấn đấu thực hiện, hướng tới mục tiêu đến năm 2025 cả nước có 80% số xã đạt chuẩn NTM, không còn xã dưới 15 tiêu chí.

- *Đối với các xã đã đạt chuẩn NTM (hiện khoảng 55%):* giai đoạn 2021-2025 sẽ chuyển sang xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Như vậy, cần tập trung điều chỉnh Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao do số lượng xã đã hoàn thành mức độ đạt chuẩn chiếm phần lớn. Đối với Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Trung ương cần có hướng dẫn/quy định cụ thể hơn về một số định mức, tách nhỏ hơn các tiêu chí (do trong giai đoạn 2016-2020 mới chỉ có hướng dẫn chung theo từng nhóm nội dung theo Công văn số 1345/BNN-VPĐP của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

2. Hình thức xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp

Hình thức xây dựng Bộ tiêu chí NTM các cấp được thống nhất, bao gồm:

- *03 cấp độ:* Bộ tiêu chí quốc gia về NTM cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh (*đối với phạm vi thôn, bản, ấp, khu dân cư: không quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia, các tỉnh/thành phố chủ động, sáng tạo xây dựng tiêu chí phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương và đảm bảo đồng bộ với tiêu chí NTM cấp xã*).

- *03 mức độ:*

+ Cấp xã: đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu.

+ Cấp huyện: Đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu

+ Đối với cấp tỉnh: Trước mắt, chỉ tập trung xây dựng Bộ tiêu chí tỉnh đạt chuẩn NTM.

3. Khung Bộ tiêu chí NTM các cấp

Các đại biểu cơ bản nhất trí với dự thảo khung tổng thể Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp. Một số ý kiến chủ yếu tập trung vào khung **Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM** như sau:

- Thống nhất giữ nguyên số lượng 19 tiêu chí NTM cấp xã;

- Thống nhất ghép tiêu chí Trường học vào tiêu chí Giáo dục và Đào tạo;
- Thống nhất ghép tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa vào tiêu chí Văn hóa;
- Không để riêng 01 tiêu chí là Tiếp cận pháp luật;
- Tách tiêu chí Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật thành 02 tiêu chí: (1) Hệ thống chính trị (có bao hàm các chỉ tiêu về tổ chức bộ máy); (2) Hành chính công (có bao hàm chỉ tiêu về tiếp cận pháp luật);

- Tách tiêu chí Quốc phòng và An ninh thành 02 tiêu chí riêng;

- Với việc ghép 04 tiêu chí còn 02 tiêu chí, đồng thời tách 02 tiêu chí thành 04 tiêu chí, thì tổng số tiêu chí NTM vẫn là 19 tiêu chí. Tuy nhiên, nếu như bổ sung nội dung ***“Vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng”*** thành 01 tiêu chí mới thì sẽ trở thành 20 tiêu chí. Trên thực tế, tiêu chí này đã là một nội dung trong điều kiện xét công nhận đạt chuẩn NTM, với vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong đánh giá sự hài lòng của người dân chi tiết theo từng nội dung xây dựng NTM. Vì vậy, nên lược bớt tiêu chí này trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM.

- Về tổng thể, do có sự tách/ghép các tiêu chí, nên không cần thiết phải chia thành 05 nhóm tiêu chí như giai đoạn 2016-2020 (vì *nhiều tiêu chí bao gồm cả nội dung công trình và phi công trình*). Tất cả 19 tiêu chí chỉ cần sắp xếp lại theo thứ tự từ 01 đến 19 và hạn chế xáo trộn so với số thứ tự của các tiêu chí giai đoạn trước.

- Trong cách phân vùng của giai đoạn 2010-2020, một số địa phương có huyện, xã khó khăn, không thể theo kịp mục tiêu vùng, nên chưa tạo được động lực thúc đẩy xây dựng NTM (ví dụ như các huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập của tỉnh Bình Phước khó theo kịp mục tiêu của vùng Đông Nam Bộ, các huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam khó đạt tiêu chí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ). Do đó, nhiều đại biểu đề xuất cho một số huyện, xã khó khăn của vùng này áp dụng định mức đạt chuẩn của vùng lân cận (ví dụ như các huyện Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập của tỉnh Bình Phước và 06 huyện miền núi phía Tây của tỉnh Quảng Nam có thể áp dụng định mức đạt chuẩn của vùng Tây Nguyên; trường hợp này cũng tương tự như các huyện miền núi phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An có thể áp dụng định mức đạt chuẩn của vùng Miền núi phía Bắc).

Đối với **Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao**, nội dung nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội còn chung chung, khó đánh giá về những nội dung như *“có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu”*. Nhóm tiêu chí về hạ tầng nên chia nhỏ hơn theo các hạng mục như các nhóm tiêu chí khác. Về cơ bản, Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao/kiểu mẫu chỉ đưa ra một số chỉ tiêu có tính nâng cao/kiểu mẫu là phù hợp vì các tiêu chí khác ở mức độ đạt chuẩn đã đáp ứng tốt yêu cầu. Tuy nhiên, cũng như Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn NTM, các chỉ tiêu cứng quy định từ Trung ương nên chia theo 07 vùng để phù hợp với điều kiện phân đầu trở thành xã NTM nâng cao/kiểu mẫu đối với các địa phương đã đạt chuẩn NTM.

Đối với **Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp nói chung**, nhiều ý kiến đề nghị nội dung các tiêu chí NTM không nên trình bày quá dài dòng (ví dụ như chỉ tiêu 19.2 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM), nếu mô tả càng kỹ, có khi lại càng thiếu, các nội dung chi tiết có thể đưa vào Sổ tay hướng dẫn. Tương tự như vậy, các chỉ tiêu trong một tiêu chí NTM cũng không cần liệt kê quá nhiều, chỉ nên đưa các chỉ tiêu chính và chấp nhận mức đánh giá là “Đạt”, thước đo mức độ “Đạt” sẽ đo đếm bởi các chỉ tiêu nhỏ trong Sổ tay hướng dẫn.

4. Nội dung các tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp

Hội thảo đánh giá cao Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã rà soát, đánh giá, nghiên cứu để xây dựng dự thảo Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021-2025, các tiêu chí, nội dung có tính lô-gic và tích hợp thêm nhiều vấn đề trọng tâm về chất lượng cuộc sống. Trong phạm vi thời gian hội thảo, một số nội dung chính được đề cập như sau:

+ **Tiêu chí Quy hoạch:** Một số đại biểu đề nghị bỏ tiêu chí này. Tuy nhiên, theo đại diện Bộ Xây dựng, hiện nay, gần 100% số xã đã đạt tiêu chí Quy hoạch, nhưng trong đó nhiều xã phê duyệt quy hoạch từ năm 2010, đến năm 2020 sẽ hết hiệu lực, nên cần rà soát lại. Bộ Xây dựng sẽ nghiên cứu để có quy định/hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến tiêu chí này.

+ **Tiêu chí Giao thông:** khu vực miền núi khó có thể cứng hóa được hệ thống giao thông nông thôn do địa bàn rộng, phân tán, nguồn lực hạn chế, với khu vực này chỉ nên quy định về không lầy lội vào mùa mưa; việc bổ sung các yêu cầu về “*có rãnh thoát nước, biển báo giao thông, trồng cây lâu năm hoặc trồng hoa hoặc trồng cây cảnh dọc bên đường*” chỉ phù hợp với các đoạn đường tập trung đông dân cư, khó đánh giá, không nên khiên cưỡng đưa vào; nội dung “*đảm bảo kết nối*” trong Bộ tiêu chí huyện NTM không cần thiết, vì 100% số xã đạt chuẩn trong huyện, có nghĩa là đã có kết nối với huyện, còn kết nối huyện với tỉnh thì các huyện đều đã đảm bảo.

+ **Tiêu chí Thủy lợi:** cần bổ sung nội dung về kết nối đồng bộ và phục vụ đa mục tiêu; nội dung ghi trong dự thảo còn “trừu tượng” (đảm bảo mỹ quan, gắn với phát triển du lịch).

+ **Tiêu chí Điện:** việc “ngâm hóa” khó thực hiện, ngay cả khu vực đô thị cũng khó thì nông thôn càng không thực hiện được. Chỉ cần đề cập đến việc đảm bảo hành lang an toàn và mỹ quan...

+ **Tiêu chí Thu nhập:** định mức đạt chuẩn quá cao, không thể tăng nhanh trong vòng 5 năm, vùng Đông Nam Bộ tăng định mức đạt tiêu chí Thu nhập từ 59 triệu đồng/người/năm lên 106 triệu đồng/người/năm là gần gấp 2 lần, cần tính đến các yếu tố lạm phát, trượt giá và tác động của các yếu tố khách quan.

+ **Tiêu chí Hộ nghèo:** có thực trạng “luân chuyển hộ nghèo” để đạt chỉ tiêu; vùng Đông Nam Bộ có định mức 0% sẽ rất khó cho các tỉnh như Bình Phước, Tây Ninh; vùng Tây Nguyên nếu giảm định mức từ 7% xuống còn 4% sẽ không khả thi; giai đoạn 2021-2025 sẽ áp dụng theo chuẩn nghèo đa chiều mới,

nếu hạ thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo thì càng khó đạt; cần bổ sung chỉ tiêu về tỷ lệ hộ cận nghèo.

+ *Tiêu chí Tổ chức sản xuất*: việc có sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên cũng khó đáp ứng, bởi không phải xã nào cũng có sản phẩm OCOP; nhiều địa phương có mô hình liên kết tổ chức sản xuất cho đến xuất khẩu sản phẩm nhưng không làm OCOP thì được xét như thế nào, vậy nên cần có khoảng mở, chứ không cố gán vào OCOP.

+ *Tiêu chí Văn hóa*: bổ sung chỉ tiêu về việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xem xét điều chỉnh “Xã có Trung tâm VH TT đạt chuẩn theo quy định của Bộ VH TT DL” bằng “theo quy định của UBND cấp tỉnh” để các tỉnh chủ động lựa chọn quy mô phù hợp với nhu cầu sử dụng và nguồn lực đầu tư; vấn đề “người dân thường trú trên địa bàn tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao” cần làm rõ, vì người có hộ khẩu thường trú nhưng số đông đi làm ăn xa.

+ *Tiêu chí Giáo dục và Đào tạo*: chỉ tiêu tỷ lệ trường học đạt chuẩn cần phân loại rõ theo các cấp trường; bổ sung chỉ tiêu gắn với thực hiện Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; trong Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu, tỷ lệ trẻ em học mẫu giáo đối với xã NTM kiểu mẫu là $\geq 90\%$ là thấp, cần nâng lên 95% hoặc 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, số trẻ em còn lại đều đang học các lớp tiểu học $\geq 95\%$ cũng là thấp, cần nâng lên 100%; nên có nội dung về học tập suốt đời.

+ *Tiêu chí Y tế*: từ “quản lý sức khỏe” cần ghi rõ hơn (là quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân), định mức đạt chỉ tiêu này đối với xã NTM nâng cao cần tăng từ 90% trong dự thảo lên 95%; chỉ tiêu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) còn tùy thuộc vào từng cộng đồng địa phương. Nếu quy định dưới 20% thì nhiều nơi ở Tây Nguyên không đạt được; xem xét bổ sung chỉ tiêu về bảo hiểm xã hội, chỉ tiêu về tỷ lệ người có thẻ bảo hiểm y tế điện tử, chỉ tiêu về hoạt động của Trạm Y tế xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

+ *Tiêu chí Môi trường*: nội dung về cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp khó lượng hóa; chỉ tiêu về nước sạch khó đáp ứng được yêu cầu, nhất là với khu vực có địa bàn rộng, dân cư phân tán, khó có thể có nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung; chỉ tiêu 4.4 trong tiêu chí xã NTM nâng cao (về thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu) còn quá chung chung, khó đánh giá; chỉ tiêu 3.3 trong tiêu chí xã NTM kiểu mẫu cần ghi rõ “tỷ lệ km đường giao thông có khu dân cư liền kề có rãnh thoát nước”; tiêu chí Môi trường đối với hoạt động sản xuất mới chỉ đề cập đến chăn nuôi, còn nhiều loại hình sản xuất khác cần được nhắc đến; chỉ tiêu “hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt chuẩn” (trong Bộ tiêu chí NTM cấp huyện) cần có tiêu chí đánh giá cụ thể; tiêu chí Môi trường trong Bộ tiêu chí NTM cấp

huyện mới tập trung vào rác thải, chất thải, cần quan tâm thêm tới vấn đề xử lý nước thải; chỉ tiêu “tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt” (trong Bộ tiêu chí NTM cấp huyện, tỉnh) là thấp, chưa phù hợp, bởi vô hình chung sẽ làm tăng tỷ lệ đốt rác sẽ càng gây hại đến môi trường, nên điều chỉnh thành tỷ lệ chất thải rắn được tái chế, được phân loại...

+ Tiêu chí về Hành chính công (trong Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao): chỉ tiêu “*cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ*” là không cần thiết, bởi đây là điều tất yếu phải thực hiện./

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Quyết định số: 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn							

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Đề xuất: Gộp các chỉ tiêu, tiêu chí vào cùng Biểu; Không phân theo từng nhóm lĩnh vực)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
1	Quy hoạch	1.1. <u>Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của cấp huyện</u> và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. <u>Tổ chức quản lý và thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng xã</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; <u>có rãnh thoát nước, biển báo giao thông, trồng cây lâu năm hoặc trồng hoa hoặc trồng cây cảnh dọc bên đường</u>	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	
3	Thuỷ lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững

		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được <u>nhựa hóa hoặc bê tông hóa hoặc lát gạch, đá</u> , đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; <u>có rãnh thoát nước, biển báo giao thông, có hệ thống điện chiếu sáng, được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa dọc bên đường</u>	<u>85%</u>	<u>70%</u>	<u>100%</u>	<u>85%</u>	<u>85%</u>	<u>85%</u>	<u>100%</u>	<u>70%</u>
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa, <u>có hệ thống điện chiếu sáng, được trồng hoa dọc bên đường</u>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính kết nối của hệ thống giao thông trên địa bàn							
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm								
3	Thuỷ lợi	3.1. <u>Đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch (đối với nơi có điều kiện)</u> ; tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng đảm bảo mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu và hình thành các vùng sản xuất nông sản hàng hóa phát triển bền vững							

		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥98%	≥95%	≥99%	≥98%	≥98%	≥98%	≥99%	≥98%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có CSVC và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥80%	≥70%	100%	≥80%	≥80%	≥70%	100%	≥70%

		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn <i>theo Quy định Hệ thống điện phân phối hiện hành</i> , các tuyến <u>đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo an toàn hành lang và mỹ quan công trình</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ ở khu dân cư theo quy hoạch <u>được</u> sử dụng điện thường xuyên, an toàn và <i>tin cậy</i> từ các nguồn	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
5	<u>Giáo dục và Đào tạo</u>	<u>5.1.</u> Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có CSVC và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	<u>≥90%</u>	<u>≥80%</u>	100%	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥80%</u>	100%	<u>≥80%</u>
		<u>5.2 Tỷ lệ</u> phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
		<u>5.3</u> Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	<u>≥90%</u>	<u>≥75%</u>	<u>≥95%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥75%</u>	<u>≥95%</u>	<u>≥85%</u>

6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định								
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		<u>5.4. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền</u>	<u>UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh</u>							
6	<u>Văn hoá</u>	6.1. Xã có Trung tâm văn hóa thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch								
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao <u>tuổi</u>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng, đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
		6.3. Thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng, thu hút ít nhất 45% số người dân thường trú trên địa bàn tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ; có đội hoặc câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoặc thể dục - thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả								
		6.4. Tỷ lệ thôn, bản, ấp được công nhận danh hiệu văn hoá	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%	≥70%
		6.5. Tỷ lệ hộ thường trú trên địa bàn xã được tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%	≥80%

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính								
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã							
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn								

		6.6. Có mô hình xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước cộng đồng hiệu quả	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>
		6.7. Có mô hình hiệu quả trong nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>
		6.8. Các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được gìn giữ, bảo vệ đúng quy định	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>	<u>Đạt</u>
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa, <u>hoặc có dịch vụ thương mại thông qua hệ thống internet hoạt động thường xuyên</u>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể <u>theo hướng xã hội hóa</u> , phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính <u>hoặc có dịch vụ chuyển phát bưu phẩm hoạt động thường xuyên</u>								
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể <u>theo hướng xã hội hóa</u> , phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã							
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn <u>hoạt động thường xuyên; có tỷ lệ hộ sử dụng internet thường xuyên từ 80% trở lên</u>								

		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành								
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, đột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥80%	≥75%	≥90%	≥80%	≥80%	≥75%	≥90%	≥70%

		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành								
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, đột nát	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu <u>chuẩn</u>	<u>≥85%</u>	<u>≥80%</u>	<u>≥95%</u>	<u>≥85%</u>	<u>≥85%</u>	<u>≥80%</u>	<u>≥95%</u>	<u>≥75%</u>

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥45	≥36	≥50	≥36	≥41	≥41	≥59	≥50
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤6%	≤12%	≤2%	≤5%	≤5%	≤7%	≤1%	≤4%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm <u>2025</u> (triệu đồng/người)	<u>≥81</u>	<u>≥65</u>	<u>≥90</u>	<u>≥65</u>	<u>≥74</u>	<u>≥74</u>	<u>≥106</u>	<u>≥90</u>
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn <u>2021-2025</u>	<u>≤3%</u>	<u>≤8%</u>	<u>0</u>	<u>≤2%</u>	<u>≤2%</u>	<u>≤4%</u>	<u>0</u>	<u>≤2%</u>
12	Lao động có việc làm	<u>12.1.</u> Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>	<u>≥90%</u>
		<u>12.2.</u> Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	<u>≥50%</u>	<u>≥35%</u>	<u>≥55%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥50%</u>	<u>≥35%</u>	<u>≥55%</u>	<u>≥35%</u>

13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững; <u>có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 3 sao trở lên</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	DH. Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; xóa mù chữ; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥85%	≥70%	≥90%	≥85%	≥85%	≥70%	≥90%	≥80%

14	Vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng	14.1. <i>MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên thực hiện giám sát xây dựng nông thôn mới hoặc có các gương điển hình người dân tham gia xây dựng nông thôn mới hàng năm</i>	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương							
		14.2. <u>Tỷ lệ thôn, bản, ấp xây dựng và thực hiện tốt hương ước, quy ước; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, giám sát cộng đồng về xây dựng nông thôn mới</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>

		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥40%	≥25%	≥45%	≥40%	≥40%	≥25%	≥45%	≥25%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥85%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤21,8 %	≤26,7 %	≤13,9 %	≤24,2 %	≤24,2 %	≤31,4%	≤14,3 %	≤20,5 %
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	≥70%	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥95% (≥60% nước sạch)	≥90% (≥50% nước sạch)	≥98% (≥65% nước sạch)	≥98% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥60% nước sạch)	≥95% (≥50% nước sạch)	≥98% (≥65% nước sạch)	≥95% (≥65% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		14.3. Tỷ lệ hộ thường trú trên địa bàn xã hài lòng với kết quả xây dựng nông thôn mới của xã	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế hoặc có cơ sở dịch vụ y tế được cấp phép hoạt động, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể theo hướng xã hội hóa, phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu của các tổ chức và cộng đồng từng xã							
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤20%							
16	Tiếp cận pháp luật	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch thường xuyên, an toàn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥70%	≥60%	≥75%	≥70%	≥70%	≥60%	≥75%	≥75%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥85%	≥70%	≥90%	≥85%	≥85%	≥70%	≥90%	≥70%
	17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo VSMT	≥70%	≥60%	≥80%	≥70%	≥75%	≥60%	≥80%	≥70%

	17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường <u>sáng</u> - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc							
	<u>17.5. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn</u>	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%	≥50%
	<u>17.6. Chất thải rắn trên địa bàn khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định; mỗi thôn, bản, ấp có ít nhất 01 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phân tán quy mô hộ hoặc nhóm hộ</u>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	<u>17.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch</u>	≥90%	≥75%	≥95%	≥90%	≥90%	≥75%	≥95%	≥75%
	<u>17.8. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo VSMT</u>	≥75%	≥65%	≥85%	≥75%	≥80%	≥65%	≥85%	≥75%

		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
--	--	---	------	------	------	------	------	------	------	------

		17.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở SX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
--	--	--	------	------	------	------	------	------	------	------

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du MNPB	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

18	Hệ thống chính trị	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>	<u>100%</u>
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" trở lên	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%

		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và TNXH (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và TNXH (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước; Công an xã được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc; các thôn, bản, ấp có mô hình tự quản về an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG XÃ NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Công văn số: 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ NN&PTNT)

1. Xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 là xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020).

2. Một số nội dung trọng tâm định hướng xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020

a) Lĩnh vực Hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư.

b) Lĩnh vực Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống nhân dân:

- Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng; thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.

- Thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ XÃ NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Xã được công nhận nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu 1.2. Thực hiện quản lý, sử dụng, duy tu, bảo trì, nâng cấp đảm bảo hiệu quả sử dụng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển KT-XH trên địa bàn
2	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	2.1. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt 2.2. <u>Có mô hình</u> liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch của địa phương 2.3. <u>Tỷ lệ</u> cơ giới hóa <u>các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch trong</u> sản xuất nông nghiệp đối với cây trồng chủ lực <u>của xã</u>	Đạt <u>≥1</u> <u>≥80%</u>

- Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất.

- Đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 0,5 lần trở xuống so với mức quy định đối với vùng (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).

c) Lĩnh vực Giáo dục - Y tế - Văn hóa:

- Nâng cao trình độ dân trí của người dân: đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.4. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất <u>nông nghiệp</u> hữu cơ	Đạt
		2.5. <u>Có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 4 sao trở lên</u>	<u>≥1</u>
		2.6. Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất	Đạt
		2.7. Thu nhập bình quân đầu người <u>của xã</u> tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới nâng cao phải cao hơn so với <u>mức</u> thu nhập bình quân đầu người <u>quy định đối với vùng để xét, công nhận xã</u> đạt chuẩn nông thôn mới <u>tại cùng thời điểm</u>	≥1,2 lần
3	Giáo dục - Y tế - Văn hóa	2.8. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm so với mức quy định đối với vùng <u>để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại cùng thời điểm</u> (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	≤0,5 lần
		3.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2
		3.2. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở	Mức độ 3
		3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥65%

- Có 100% số lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp.

- Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

- Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được bảo đảm, thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo từ thiện.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		3.4. Tỷ lệ lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn phù hợp	100%
		3.5. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế	≥95%
		3.6. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã được quản lý sức khỏe	≥90%
		3.7. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt
		3.8. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc thể dục, thể thao	≥50%
		3.9. Có mô hình câu lạc bộ hoạt động hiệu quả về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương	Đạt
		3.10. Tỷ lệ thôn, bản, ấp được công nhận danh hiệu văn hoá	≥80%
		3.11. Tỷ lệ hộ thường trú trên địa bàn xã được tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"	≥90%

d) Lĩnh vực Cảnh quan - Môi trường:

- Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn toàn xã. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã; có mô hình phân loại rác tại nguồn.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh. 70% trở lên lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

đ) Lĩnh vực An ninh trật tự - Hành chính công:

'- An ninh trật tự được bảo đảm; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
4	Môi trường	4.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung	100%
		4.2. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, <i>an toàn trên địa bàn toàn xã</i>	Đạt
		4.3. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥65%
		4.4. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt
		4.5. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có), phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh phù hợp bao bọc xung quanh	Đạt
		4.6. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn	≥80%
5	An ninh trật tự - Hành chính công	5.1. An ninh trật tự được bảo đảm	Đạt
		5.2. Có mô hình điển hình về thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
		5.3. Cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định	Đạt

- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở. Các thôn, bản, ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		5.4. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt

3. Phân cấp cho UBND cấp tỉnh: Căn cứ nội dung định hướng trên, ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; Chủ tịch UBND cấp tỉnh xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020.

TIÊU CHÍ XÃ KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Quyết định số: 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Tiêu chí Xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020

Xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định và đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo:

a) Tổ chức sản xuất: Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu; có ít nhất 02 hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả;

b) Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

c) Không có hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).

2. Tiêu chí Giáo dục - Y tế - Văn hoá:

a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên. Số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ XÃ KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Tiêu chí Xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025

1. Xã được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu **giai đoạn 2021-2025** là xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao **và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.**

2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	1.1. Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh doanh hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt
		1.2. Có hợp tác xã kiểu mới liên kết làm ăn có hiệu quả	≥2
		1.3. Có sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao	≥1
		1.4. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người quy định đối với vùng để xét , công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại cùng thời điểm	≥1,5 lần
		1.5. Hộ nghèo (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Không
2	Giáo dục - Y tế - Văn hoá	2.1. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động đi học mẫu giáo	≥90%
		2.2. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1	100%

học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên;

b) Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; dân số thường trú trên địa bàn xã được quản lý, theo dõi sức khỏe đạt từ 90% trở lên. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 95% trở lên;

c) Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia. Mỗi thôn, bản, ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

3. Tiêu chí Môi trường:

a) Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên;

b) Có từ 60% trở lên số tuyến đường xã, thôn, bản, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến;

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		2.3. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	≥95%
		2.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	≥95%
		2.5. Trạm y tế xã hoặc các cơ sở dịch vụ y tế trên địa bàn xã được cấp phép hoạt động có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Đạt
		2.6. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia bảo hiểm y tế	100%
		2.7. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã được quản lý sức khỏe	≥95%
		2.8. Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn xã thường xuyên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ hoặc thể dục, thể thao	≥60%
		2.9. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có mô hình đội hoặc câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả	100%
3	Môi trường	3.1. Tỷ lệ hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥80%
		3.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn	≥90%
		3.3. Tỷ lệ km đường xã, thôn, bản, ấp có rãnh thoát nước và được trồng cây lâu năm hoặc trồng hoa hoặc trồng cây cảnh	100%

c) Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng;

d) Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường;

đ) 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.

4. Tiêu chí An ninh trật tự - Hành chính công:

a) Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm;

b) Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả.

II. Phân cấp cho UBND cấp tỉnh

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu được ban hành tại Quyết định này và điều kiện thực tế địa phương, lựa chọn loại hình xã nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội nhất trong các nhóm tiêu chí quy định tại Điều 1 Quyết định này (về sản xuất, về văn hóa, về giáo dục, về du lịch, về môi trường, về an ninh trật tự...) để hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		3.4. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt
		3.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥90%
		3.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100%
4	An ninh trật tự - Hành chính công	4.1. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn xã: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú ở xã phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm	Đạt
		4.2. Công khai minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo có hiệu quả; Có mô hình điển hình về cải cách thủ tục hành chính hoạt động hiệu quả	Đạt

II. Phân cấp cho UBND cấp tỉnh

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu **giai đoạn 2021-2025 được quy định tại Mục I nêu trên** và điều kiện thực tế địa phương, lựa chọn loại hình xã nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội nhất trong các nhóm tiêu chí quy định tại **Mục I nêu trên** (về sản xuất, về văn hóa, về giáo dục, về du lịch, về môi trường, về an ninh trật tự...) để hướng dẫn, chỉ đạo, thực hiện xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu **giai đoạn 2021-2025**.

TIÊU CHÍ HUYỆN NTM GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Quyết định số: 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

A. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI:

1. Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	Có quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện được phê duyệt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ HUYỆN NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. HUYỆN NÔNG THÔN MỚI:

1. Có 100% số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới.
2. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	<u>Rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh và được công bố công khai đúng thời hạn</u>	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã <u>và kết nối trong tỉnh</u>	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch; <u>có đầy đủ hệ thống cống thoát nước, điện chiếu sáng; được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa dọc bên đường</u>	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch, <u>đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch</u> (ở nơi có điều kiện phù hợp)	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, <u>các tuyến đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo an toàn hành lang và mỹ quan công trình</u>	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%
6	Sản xuất	Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung; hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	<u>Giáo dục - Y tế - Văn hóa</u>	<u>5.1.</u> Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥ 60%
		<u>5.2. Trung</u> tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia	Đạt
		<u>5.3.</u> Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các xã có hiệu quả	Đạt
6	Sản xuất	Có vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung <u>được cấp mã vạch</u> ; có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện; <u>có ít nhất 3 sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao</u>	Đạt
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn	Đạt
		7.2. Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường	100%
		<u>7.3. Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện</u>	<u><30%</u>
8	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội <u>trên địa bàn toàn huyện</u>	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

B. THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

Có 100% số xã trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	9.1. Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		9.2. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

B. THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

Có 100% số xã trên địa bàn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ HUYỆN NTM NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Huyện được công nhận nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 là huyện đã đạt chuẩn nông thôn mới và đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

II. Có từ 50% trở lên số xã trong huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

III. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Sản xuất - Thu nhập - Hộ nghèo	1.1. Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được cấp mã vạch	≥2 vùng
		1.2. Tỷ lệ cơ giới hóa các khâu sản xuất đối với ít nhất 02 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung	100%
		1.3. Sản phẩm OCOP đạt chuẩn 5 sao	≥5 sản phẩm
		1.4. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn huyện tại thời điểm xét, công nhận huyện nông thôn mới nâng cao phải cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người quy định đối với vùng để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tại cùng thời điểm	≥1,2 lần
		1.5. Hộ nghèo (trừ các trường hợp bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo)	Không
2	Giáo dục	Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn	≥90%
3	Môi trường	3.1. Xây dựng cảnh quan, môi trường trên địa bàn toàn huyện xanh - sạch - đẹp - an toàn	Đạt
		3.2. Tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện	Không
4	An ninh, trật tự xã hội	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn toàn huyện	Đạt
5	Hành chính công	Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Đạt

DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT TIÊU CHÍ TỈNH NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025

A. TỈNH NÔNG THÔN MỚI:

I. Có 100% số huyện trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

II. Có 100% số thị xã và thành phố trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

III. Có tất cả các tiêu chí sau đạt chuẩn theo quy định:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch	1.1. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt
		1.2. Tổ chức quản lý và thực hiện theo quy hoạch tỉnh	Đạt
2	Giao thông	2.1. Đường tỉnh đảm bảo kết nối tới các đơn vị cấp huyện trong tỉnh và kết nối vùng	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường tỉnh đạt chuẩn theo quy hoạch; có đầy đủ hệ thống cống thoát nước, điện chiếu sáng; được trồng cây bóng mát dọc bên đường	100%
3	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi do tỉnh quản lý đồng bộ với hệ thống thủy lợi của các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo an toàn, mỹ quan, gắn với phát triển du lịch (ở nơi có điều kiện phù hợp)	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên huyện đồng bộ với hệ thống điện các đơn vị cấp huyện theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, đường dây điện được ngầm hóa hoặc bố trí đảm bảo mỹ quan	Đạt
5	Giáo dục - Y tế - Văn hóa	Có mô hình giáo dục STEM tiêu biểu, hoạt động hiệu quả	Đạt
		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh đạt chuẩn quốc gia	Đạt
		Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh đạt chuẩn, có các hoạt động văn hóa - thể thao phù hợp kết nối với các đơn vị cấp huyện có hiệu quả	Đạt
6	Sản xuất	Có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có ứng dụng công nghệ cao và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ	Đạt
7	Môi trường	Có khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung quy mô cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn	Đạt
		Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn toàn tỉnh được thực hiện bằng biện pháp chôn lấp	<15%
8	An ninh trật tự	Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn toàn tỉnh	Đạt
9	Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới	Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt
		Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh được tổ chức và hoạt động đúng quy định	Đạt

B. THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI:

I. Có 100% số huyện trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

II. Có 100% số thị xã trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới./.

Ghi chú:

Giáo dục STEM là trang bị cho học sinh những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Những kiến thức và kỹ năng này phải được tích hợp, lồng ghép và bổ trợ cho nhau giúp học sinh không chỉ hiểu biết về nguyên lý mà còn có thể áp dụng để thực hành, vận dụng kiến thức để tạo ra sản phẩm hoặc giải quyết các vấn đề của thực tế cuộc sống.

Trong đó với kỹ năng khoa học, học sinh được trang bị kiến thức về các khái niệm, các nguyên lý, các định luật và các cơ sở lý thuyết của giáo dục khoa học. Mục tiêu quan trọng nhất là thông qua giáo dục khoa học, học sinh có khả năng liên kết các kiến thức này để thực hành và có tư duy để sử dụng kiến thức vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề trong thực tế....